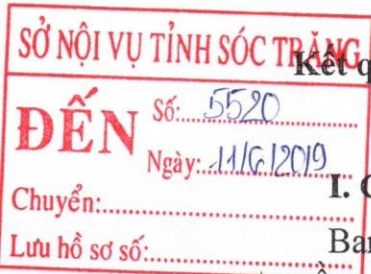


Số: 27/BC-BQL

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2019



I. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch: cải cách hành chính; tuyên truyền cải cách hành chính; kiểm tra công tác cải cách hành chính; thực hiện công tác pháp chế; hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; phát động phong trào thi đua năm 2019 và kế hoạch phối hợp số 01/KH-LN ngày 16/01/2019 về kiểm tra doanh nghiệp trong khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng năm 2019.

Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được giao về việc đẩy mạnh cải cách hành chính theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 41/UBND-TH ngày 11/01/2018. Ban Quản lý ban hành kế hoạch số 13/KH-BQL ngày 20/02/2019 tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng năm 2019.

II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính

1. Cải cách thể chế

Về rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý: có 02/02 văn bản QPPL phải rà soát theo kế hoạch.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) như: ban hành Kế hoạch số 06/KH-BQL ngày 25/01/2019 về hoạt động kiểm soát TTHC và Kế hoạch số 09/KH-BQL ngày 13/02/2019 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2019.

Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời tại trụ sở Ban Quản lý (trên Bảng niêm yết) và trên Cổng thông tin điện tử thành phần của cơ quan với tổng số 36/36 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Ban Quản lý không có nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Ban Quản lý đang chờ các Bộ, ngành hướng dẫn thực hiện Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế để tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp; quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp với Sở, ngành địa phương.

Tính đến ngày 27/5/2019, Ban Quản lý các khu công nghiệp có 27/27 người (trong đó có 17/17 biên chế hành chính, 10 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP), thực hiện đúng biên chế được UBND tỉnh giao

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức: đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2019 (văn bản số 666/BQL-VP ngày 20/12/2018); hiện có 01 công chức đang học trung cấp lý luận chính trị (hệ tại chức) và 01 công chức đang học cao cấp lý luận chính trị (tập trung), cử 01 công chức học Chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên, 01 công chức hoàn thành lớp tập huấn lãnh đạo cấp phòng, 01 công chức dự lớp tập huấn lãnh đạo cấp phòng, 01 công chức học lớp quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, 01 công chức đang học lớp cập nhật kiến thức kỹ năng thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cơ quan nhà nước và công dân trong quản lý hành chính nhà nước.

Nâng lương thường xuyên cho 03 công chức, 01 người lao động và nâng lương trước thời hạn cho 02 công chức.

5. Cải cách tài chính công

Ban hành và triển khai thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (Quyết định số 10/QĐ-BQL ngày 25/02/2019), hàng tháng công khai kinh phí thu chi thường xuyên, xây dựng định mức chi tăng thu nhập trên mức hoàn thành nhiệm vụ của công chức; ứng dụng phần mềm misa trong quản lý tài chính, tài sản cơ quan.

6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

6.1) Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan:

Tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành (v3.0) để trao đổi các văn bản theo hướng tăng cường chức năng chỉ đạo, điều hành từ Lãnh đạo đến các chuyên viên và phần mềm chuyên ngành (phần mềm kế toán Misa, phần mềm Autocad, phần mềm bảo hiểm xã hội,...) trong quá trình xử lý công việc, giải quyết công vụ.

100% công chức sử dụng thư điện tử của tỉnh trao đổi thông tin trong công việc. Phân công 01 công chức phụ trách công nghệ thông tin điện tử thành phần của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

6.2) Áp dụng ISO trong hoạt động cơ quan:

Triển khai thực hiện kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2019, đang tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ lần 1 vào ngày 30/5/2019.

7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa/tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý là 37/37 thủ tục, đạt tỉ lệ 100%. Ban Quản lý đang dự thảo trình Chủ tịch UBND tỉnh bãi bỏ 01 TTHC là thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông là 08 thủ tục.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác

Trong 06 tháng đầu năm, Ban Quản lý không có nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân và phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp về quy định hành chính, hành vi hành chính.

III. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện

1. Những kết quả đạt được

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp và hỗ trợ chuyên môn của Sở Nội vụ. Lãnh đạo Ban Quản lý cùng toàn thể công chức cơ quan nhận thức được tầm quan trọng, mục đích, ý nghĩa của việc CCHC như đã rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời tại trụ sở Ban Quản lý, Cổng thông tin điện tử thành phần của cơ quan và Cổng thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng.

Hồ sơ được giải quyết đúng hạn, đúng quy định. Kết quả thăm dò ý kiến của cá nhân, tổ chức khi giải quyết thủ tục hành chính với mức độ hài lòng đạt 100%. Không có phản ánh, khiếu nại về giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan. Tuy nhiên có 02 hồ sơ bị trễ hạn trên phần mềm một cửa điện tử (thực tế Ban Quản lý đã giải quyết đúng thời hạn cho doanh nghiệp) là do Ban Quản lý đã triển khai quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa điện tử nhưng việc cấp tài khoản Trưởng phòng Quản lý Đầu tư để xử lý hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử chưa kịp thời.

2. Những khó khăn, tồn tại và hạn chế

Đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 05 TTHC, tuy nhiên đến nay vẫn chưa phát sinh việc nộp hồ sơ trực tuyến đối với các TTHC này.

IV. Phương hướng nhiệm vụ quý III/2019

1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch về cải cách hành chính đã ban hành và kế hoạch phối hợp số 01/KH-LN ngày 16/01/2019 về kiểm tra doanh nghiệp trong khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng năm 2019

3. Tiếp tục rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp theo quy định hiện hành; công khai, minh bạch về thủ tục hành chính; tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính.

4. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2019 của Ban Quản lý các khu công nghiệp. /-/-

Nơi nhận: 

- Sở Nội vụ,
- Lưu: BLĐ, các phòng, VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Liên

Biểu mẫu IB

Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-BQL ngày 27/1/2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/ UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	04	Không	Chưa đến thời gian kiểm tra	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	-		-	-	-
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	05/05	Không	Chưa đến thời gian kiểm tra	-	-
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	-		-	-	-
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	-		-	-	-

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

Biểu mẫu 2B

Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số **27/BC-BQL** ngày **27/15/2019**
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	00	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	00	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	00	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	05	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 - Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 - Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 - Quyết định số 43/2005/QĐ.UBNDT ngày 09/5/2005 - Quyết định số 03/2007/QĐ-UBND ngày 19/01/2007
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	05	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 - Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 - Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 - Quyết định số 43/2005/QĐ.UBNDT ngày 09/5/2005 - Quyết định số 03/2007/QĐ-UBND ngày 19/01/2007
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	01	Quyết định quy định đơn giá thu tiền sử dụng hạ tầng KCN An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng (thay thế Quyết định số 03/2007/QĐ-UBND)
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	01	Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	-	

Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương
(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-BQL ngày 27/5/2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	- Kế hoạch số 06/KH-BQL ngày 25/01/2019 - Kế hoạch số 09/KH-BQL ngày 13/02/2019
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ²	37/37 08/08	- Theo cơ chế 1 cửa - Theo cơ chế 1 cửa liên thông
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ³	37/37 08/08	- Theo cơ chế 1 cửa - Theo cơ chế 1 cửa liên thông
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

³ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

Biểu mẫu 4B

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp
(Kèm theo Báo cáo số *27/BC-BQL* ngày *22/...5/2019* của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁸	Số TTHC liên thông dọc ⁹	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh								Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 06/9/2017, Quyết định 889/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 và Quyết định 2135/QĐ-UBND ngày 24/8/2018	
1	Lĩnh vực thương mại quốc tế	05	0	0	0	05	0	0	0	Quyết định số 2257/QĐ-UBND
2	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam	15	0	0	0	15	0	0	0	
3	Lĩnh vực xây dựng	05	01	01	0	05	0	0	0	Quyết định số 2257/QĐ-UBND, 2135/QĐ-UBND
4	Lĩnh vực việc làm	05	0	0	0	05	0	0	0	Quyết định số 2257/QĐ-UBND

Biểu mẫu 5B

Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp
 (Kèm theo Báo cáo số **27/BC-BQL** ngày **27/...5../2019**
 của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁴	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ⁵	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp	43	0	43	43	43	0	0	0	0	<i>Theo cơ chế một cửa: 45/45 hồ sơ.</i>
II	TTHC liên thông với các Sở, ngành	14	0	14	11	11	0	3	02	1	<i>Theo cơ chế một cửa liên thông: 11/14 hồ sơ. 02 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết., 01 hồ sơ trễ hạn.</i>
Tổng số		57	0	57	54	54	0	03	02	01	

⁴ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁵ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

Biểu mẫu 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính
 (Kèm theo Báo cáo số 27/BC-BQL ngày 27.1.5./2019
 của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc ⁶		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình hình biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁷		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁸		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tình giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ⁹			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹⁰					
I	Các cơ quan tỉnh	05	0	04	0	0	0	05	0	0	0	17	Tăng 01 biên chế do trúng tuyển công chức năm 2018	0	0	

⁶ Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

⁷ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

⁸ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

⁹ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

¹⁰ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

Biểu mẫu 7B

Thống kê số liệu về CBCCVC tại Ban Quản lý các khu công nghiệp
(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-BQL ngày 27.1.5./2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹¹ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyên đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ¹²	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyển môn		Đào tạo ¹³	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁴	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyên đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ¹⁵	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ¹⁶		TX ¹⁷	TH ¹⁸
I	Các cơ quan tỉnh	17	0	17	0	0	0	01	0 (do không có người để chuyển đổi và chưa đủ thời gian phải chuyển đổi)	0	0	0	0	0	0	4	2

¹¹ Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

¹² Thống kê chi tiết tại đây

¹³ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁴ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

¹⁵ Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

¹⁶ Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

¹⁷ Thường xuyên

¹⁸ Trước hạn

Biểu mẫu 8B

**Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,
công vụ tại Ban Quản lý các khu công nghiệp**
(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-BQL ngày 27/5/2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	

Biểu mẫu 9B

**Thống kê số liệu về cải cách tài chính công
tại Ban Quản lý các khu công nghiệp**
(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-BQL ngày 27/15/2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	01	0	Ban Quản lý các khu công nghiệp
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên			
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên			

Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Ban Quản lý các khu công nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-BQL ngày 27/...5/2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)



STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Cơ quan cấp tỉnh	359	359	0	165	5	0	0	0	0	0	0	0	

Biểu mẫu 11B

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)
(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-BQP ngày 27/5/2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	Cơ quan cấp tỉnh	0	0	0	Do Trụ sở Ban Quản lý các khu công nghiệp nằm trong khu công nghiệp An Nghiệp nên thuận lợi cho doanh nghiệp nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính trực tiếp tại Ban Quản lý. Vì vậy, các doanh nghiệp thường nộp hồ sơ trực tiếp, nên không phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI.

Biểu mẫu 13B**Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại Ban Quản lý các khu công nghiệp**

(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-BQL ngày 27.1.2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	-	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	-	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Ban hành Quyết định số 76/QĐ-BQL ngày 04/9/2018 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại Ban Quản lý các khu công nghiệp.
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	Theo Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 04/3/2019
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	có	Chưa có văn bản mới
5	Nội dung khác	Có	- Ban hành kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (Kế hoạch số 07/KH-BQL ngày 31/01/2019) và kế hoạch tổ chức đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 04/3/2019).

Biểu mẫu 14

Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo
(Kèm theo Báo cáo số 27./BC-BQL ngày 27./1.5./2019
của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú ¹⁹
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết ²⁰			
I	Cấp tỉnh	0	0	0	0	0	Từ đầu năm đến nay, không có ý kiến phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý.

¹⁹ Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

²⁰ Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp